

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 17 tháng 8 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-125-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2016

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.404.255.893.847	3.379.138.595.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	484.127.892.068	1.335.175.091.627
Tiền	111		294.627.892.068	290.467.888.098
Các khoản tương đương tiền	112		189.500.000.000	1.044.707.203.529
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		890.461.413.057	1.083.329.463.916
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	980.484.693.761	1.171.689.965.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		103.466.005.995	98.652.750.640
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	22.038.859.978	15.770.945.598
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(215.643.773.999)	(203.143.064.616)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		115.627.322	358.867.214
Hàng tồn kho	140	13	980.352.294.609	922.995.218.226
Hàng tồn kho	141		986.121.687.304	940.545.345.279
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.769.392.695)	(17.550.127.053)
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.314.294.113	37.638.821.584
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.537.642.779	6.466.487.321
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.695.211.570	30.338.466.026
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	4.081.439.764	833.868.237

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		772.208.483.259	772.185.342.770
Các khoản phải thu dài hạn	210		319.527.155	319.527.155
Phải thu dài hạn khác	216		319.527.155	319.527.155
Tài sản cố định	220		433.845.246.855	430.975.885.342
Tài sản cố định hữu hình	221	14	432.319.460.179	429.221.763.287
Nguyên giá	222		847.334.369.588	795.372.406.666
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(415.014.909.409)	(366.150.643.379)
Tài sản cố định vô hình	227		1.525.786.676	1.754.122.055
Nguyên giá	228		5.729.884.398	5.729.884.398
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.204.097.722)	(3.975.762.343)
Tài sản dở dang dài hạn	240		124.172.644.380	175.210.359.620
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	124.172.644.380	175.210.359.620
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	66.000.000.000	61.047.511.083
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	61.047.511.083
Tài sản dài hạn khác	260		147.871.064.869	104.632.059.570
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	147.871.064.869	104.632.059.570
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.176.464.377.106	4.151.323.938.123

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.933.298.850.042	3.000.182.223.613
Nợ ngắn hạn	310		1.893.590.493.097	2.972.432.223.613
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	335.658.591.104	329.794.024.371
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.583.403.414	14.876.363.118
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	21.367.218.553	36.153.586.150
Phải trả người lao động	314		31.176.760.347	59.039.779.773
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	45.110.546.416	12.243.564.796
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	12.893.205.079	12.258.200.086
Vay ngắn hạn	320	22	1.389.444.814.377	2.510.796.298.264
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	6.355.953.807	(2.729.592.945)
Vay và nợ dài hạn	330		39.708.356.945	27.750.000.000
Vay dài hạn	338	22	39.708.356.945	27.750.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.243.165.527.064	1.151.141.714.510
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.243.165.527.064	1.151.141.714.510
Vốn cổ phần	411	25	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	302.154.283.435	232.943.693.904
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	108.544.728.938	85.731.505.915
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(485.823.441)	(485.815.578)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		109.030.552.379	86.217.321.493
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.176.464.377.106	4.151.323.938.123

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã phân loại lại	
Doanh thu bán hàng	01	28	2.307.869.753.052	3.599.598.539.036
Giá vốn hàng bán	11	29	1.878.471.297.853	2.942.676.118.383
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		429.398.455.199	656.922.420.653
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	22.098.984.696	11.082.454.015
Chi phí tài chính	22	31	36.548.533.365	70.319.650.710
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>31.499.209.553</i>	<i>17.095.590.087</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		9.510.444.917	1.662.753.878
Chi phí bán hàng	25	32	224.823.204.034	286.074.762.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	64.243.199.714	71.418.775.923
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		135.392.947.699	241.854.438.957
Thu nhập khác	31		6.339.840.166	5.760.228.005
Chi phí khác	32		1.740.368.687	5.113.744.840
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.599.471.479	646.483.165
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		139.992.419.178	242.500.922.122
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	30.961.866.799	55.759.255.272
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		109.030.552.379	186.741.666.850
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.349	2.311

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	139.992.419.178	242.500.922.122
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	53.727.799.625	34.822.123.753
Các khoản dự phòng	03	719.975.025	25.515.501.182
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(447.764.409)	23.398.437.603
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.765.778.565)	(7.230.511.835)
Chi phí lãi vay	06	31.499.209.553	17.095.590.087
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	202.725.860.407	336.102.062.912
Biến động các khoản phải thu	09	162.913.022.411	(185.683.486.562)
Biến động hàng tồn kho	10	(21.404.118.659)	(60.830.571.045)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	25.209.680.879	185.975.488.634
Biến động chi phí trả trước	12	8.847.463.624	10.667.972.868
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.499.209.553)	(17.095.590.087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.325.991.085)	(45.102.578.064)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.921.185.210)	(4.212.461.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	294.545.522.814	219.820.837.656
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(53.717.070.279)	(86.599.790.595)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	18.181.818	470.490.039
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.513.704.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.075.151.725	6.949.230.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.110.032.736)	(79.180.069.949)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.679.032.933.141	2.344.004.417.044
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.788.426.060.083)	(2.265.841.306.884)
Tiền trả cổ tức	36	(2.089.562.695)	(189.352.893.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.111.482.689.637)	(111.189.782.940)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(851.047.199.559)	29.450.984.767
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.335.175.091.627	887.093.486.873
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 9)	70	484.127.892.068	916.544.471.640

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán




Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2016: 2 công ty con) như sau:

			30/6/2016 và 01/01/2016
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2016: 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 16.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có 727 nhân viên (01/01/2016: 713 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 334 nhân viên (01/01/2016: 345 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 294 nhân viên (01/01/2016: 261 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 99 nhân viên (01/01/2016: 107 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí thuê văn phòng trả trước cho tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 13 tháng tới 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh nhựa đường có tính thời vụ do phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Tổng công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào khác có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty đã thanh lý khoản đầu tư tại một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (Thuyết minh 16).

8. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	885.764.488.952	675.779.046.672	746.326.217.428	-	2.307.869.753.052
Doanh thu giữa các bộ phận	3.690.200.701	-	-	(3.690.200.701)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	889.454.689.653	675.779.046.672	746.326.217.428	(3.690.200.701)	2.307.869.753.052
Giá vốn hàng bán	622.853.539.036	564.845.343.125	694.462.616.393	(3.690.200.701)	1.878.471.297.853
Chi phí bán hàng	115.226.912.134	77.874.197.171	31.722.094.729	-	224.823.204.034
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.258.620.847	30.363.809.513	3.620.769.354	-	64.243.199.714
Kết quả kinh doanh của bộ phận	121.115.617.636	2.695.696.863	16.520.736.952	-	140.332.051.451
Doanh thu hoạt động tài chính	2.677.275.396	16.162.777.568	3.258.931.732	-	22.098.984.696
Chi phí tài chính	(7.436.014.798)	15.577.579.517	18.896.523.729	9.510.444.917	36.548.533.365
Phân lãi trong công ty liên kết	-	-	-	9.510.444.917	9.510.444.917
Thu nhập khác	5.254.256.249	1.085.583.917	-	-	6.339.840.166
Chi phí khác	1.740.361.671	7.016	-	-	1.740.368.687
Kết quả từ các hoạt động khác	13.627.184.772	1.670.774.952	(15.637.591.997)	-	(339.632.273)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.742.802.408	4.366.471.815	883.144.955	-	139.992.419.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.289.274.902	3.495.962.906	176.628.991	-	30.961.866.799
Lợi nhuận thuần sau thuế	107.453.527.506	870.508.909	706.515.964	-	109.030.552.379

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.022.681.944.559	2.058.791.405.703	518.125.188.774	-	3.599.598.539.036
Doanh thu giữa các bộ phận	4.534.939.702	-	-	(4.534.939.702)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.027.216.884.261	2.058.791.405.703	518.125.188.774	(4.534.939.702)	3.599.598.539.036
Giá vốn hàng bán	771.758.556.493	1.691.041.647.166	484.410.854.426	(4.534.939.702)	2.942.676.118.383
Chi phí bán hàng	117.759.168.516	141.482.823.167	26.832.771.273	-	286.074.762.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.000.055.323	44.434.266.525	3.984.454.075	-	71.418.775.923
Kết quả kinh doanh của bộ phận	114.699.103.929	181.832.668.845	2.897.109.000	-	299.428.881.774
Doanh thu hoạt động tài chính	18.740.828.275	6.736.276.844	2.490.578.308	(16.885.229.412)	11.082.454.015
Chi phí tài chính	4.602.708.562	54.072.658.097	9.981.530.173	1.662.753.878	70.319.650.710
Phản lãi trong công ty liên kết	-	-	-	1.662.753.878	1.662.753.878
Thu nhập khác	5.358.548.438	292.801.460	108.878.107	-	5.760.228.005
Chi phí khác	4.848.285.039	293	265.459.508	-	5.113.744.840
Kết quả từ các hoạt động khác	14.648.383.112	(47.043.580.086)	(7.647.533.266)	(16.885.229.412)	(56.927.959.652)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	129.347.487.041	134.789.088.759	(4.750.424.266)	(16.885.229.412)	242.500.922.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.668.391.729	30.090.863.543	-	-	55.759.255.272
Lợi nhuận thuần sau thuế	103.679.095.312	104.698.225.216	(4.750.424.266)	(16.885.229.412)	186.741.666.850



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.947.425.008	334.498.487.190	69.681.979.870	-	484.127.892.068
Các khoản phải thu ngắn hạn	191.891.265.919	360.180.529.275	359.176.521.382	(20.786.903.519)	890.461.413.057
Hàng tồn kho	417.908.253.764	138.372.052.720	424.071.988.125	-	980.352.294.609
Tài sản ngắn hạn khác	5.735.413.720	9.714.138.940	33.864.741.453	-	49.314.294.113
Các khoản phải thu dài hạn	-	319.527.155	-	-	319.527.155
Tài sản cố định	127.705.538.500	190.663.115.057	115.476.593.298	-	433.845.246.855
Tài sản dở dang dài hạn	102.410.656.611	21.384.141.734	377.846.035	-	124.172.644.380
Đầu tư tài chính dài hạn	466.000.000.000	-	-	(400.000.000.000)	66.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	54.215.691.932	21.984.470.563	71.670.902.374	-	147.871.064.869
Tổng tài sản	1.445.814.245.454	1.077.116.462.634	1.074.320.572.537	(420.786.903.519)	3.176.464.377.106
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	258.105.470.998	782.040.421.123	874.231.504.495	(20.786.903.519)	1.893.590.493.097
Nợ dài hạn	-	-	39.708.356.945	-	39.708.356.945
Vốn chủ sở hữu	1.187.708.774.456	295.076.041.511	160.380.711.097	(400.000.000.000)	1.243.165.527.064
Tổng nguồn vốn	1.445.814.245.454	1.077.116.462.634	1.074.320.572.537	(420.786.903.519)	3.176.464.377.106
Chi tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Chi tiêu vốn	31.280.492.127	17.007.083.024	5.429.495.128	-	53.717.070.279
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	26.673.723.991	19.767.549.679	5.653.363.507	-	52.094.637.177
Khấu hao tài sản cố định vô hình	132.555.381	95.779.998	-	-	228.335.379

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.375.554.704	1.149.001.804.211	138.797.732.712	-	1.335.175.091.627
Các khoản phải thu ngắn hạn	165.042.232.669	483.996.560.690	451.156.043.197	(16.865.372.640)	1.083.329.463.916
Hàng tồn kho	424.934.618.866	244.394.975.330	253.665.624.030	-	922.995.218.226
Tài sản ngắn hạn khác	3.491.711.216	18.193.821.485	15.953.288.883	-	37.638.821.584
Các khoản phải thu dài hạn	-	319.527.155	-	-	319.527.155
Tài sản cố định	110.098.749.109	206.823.119.194	114.054.017.039	-	430.975.885.342
Tài sản dở dang dài hạn	115.543.233.247	8.080.384.250	51.586.742.123	-	175.210.359.620
Đầu tư tài chính dài hạn	461.047.511.083	-	-	(400.000.000.000)	61.047.511.083
Tài sản dài hạn khác	60.011.106.053	22.609.524.020	22.011.429.497	-	104.632.059.570
Tổng tài sản	1.387.544.716.947	2.133.419.716.335	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.151.323.938.123
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	298.527.083.441	1.831.247.236.341	859.523.276.471	(16.865.372.640)	2.972.432.223.613
Nợ dài hạn	-	-	27.750.000.000	-	27.750.000.000
Vốn chủ sở hữu	1.089.017.633.506	302.172.479.994	159.951.601.010	(400.000.000.000)	1.151.141.714.510
Tổng nguồn vốn	1.387.544.716.947	2.133.419.716.335	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.151.323.938.123
Chi tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Chi tiêu vốn	30.951.469.404	31.787.562.772	23.860.758.419	-	86.599.790.595
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	13.774.571.751	15.583.827.520	4.834.367.556	-	34.192.766.827
Khấu hao tài sản cố định vô hình	629.356.926	-	-	-	629.356.926

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.078.920.776	3.188.213.821
Tiền gửi ngân hàng	291.548.971.292	283.749.264.411
Tiền đang chuyển	-	3.530.409.866
Các khoản tương đương tiền	189.500.000.000	1.044.707.203.529
	484.127.892.068	1.335.175.091.627

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	63.583.645.405	46.121.015.459
Các bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	-	151.438.315.010
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	53.381.263.680	-
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	45.383.100.016	-
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	33.211.859.668	46.765.150.763
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Phương Thành	28.613.281.790	21.547.487.890
▪ Tổng công ty Đầu tư xây dựng Hoàng Long	25.489.769.714	22.770.186.182
▪ Công ty TNHH TMDV Nam Song Anh	23.100.997.466	75.609.601.191
▪ Các khách hàng khác	669.585.349.722	769.302.782.285
	980.484.693.761	1.171.689.965.080

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	12.643.606.954	8.859.935.998
Lãi tiền gửi dự thu	255.854.167	2.049.602.062
Phải thu về cổ tức	523.512.042	523.512.042
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.042.942.200	353.600.000
Các khoản phải thu khác	4.572.944.615	3.984.295.496
	<hr/>	<hr/>
	22.038.859.978	15.770.945.598
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
Nợ quá hạn				
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	29.392.959.347	(8.814.086.367)	20.578.872.980	12.227.375.991
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	97.973.661.836	(48.419.540.106)	49.554.121.730	103.314.989.993
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	18.958.386.917	(10.758.401.114)	8.199.985.803	20.028.409.613
Từ 3 năm trở lên	147.689.060.534	(147.651.746.412)	37.314.122	149.628.898.945
	294.014.068.634	(215.643.773.999)	78.370.294.635	285.199.674.542

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi
- ngắn hạn

(215.643.773.999)

(203.143.064.616)



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	66.988.251.060	-	131.415.058.108	-
Nguyên vật liệu	264.283.498.859	(256.541.978)	246.947.627.407	-
Công cụ và dụng cụ	10.714.923.112	(2.622.578)	10.544.488.127	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.070.568.790	-	22.440.744.956	-
Thành phẩm	136.796.991.624	(5.510.228.139)	279.385.801.252	(4.070.433.349)
Hàng hóa	494.267.453.859	-	249.811.625.429	(13.479.693.704)
	986.121.687.304	(5.769.392.695)	940.545.345.279	(17.550.127.053)

Trong hàng tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 88.435 triệu VND thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (01/01/2016: 212.988 triệu VND).

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	389.936.115.128	238.293.034.660	148.652.993.919	18.490.262.959	795.372.406.666
Mua trong kỳ	258.629.000	9.415.020.930	2.622.163.636	626.291.820	12.922.105.386
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.508.269.677	15.443.151.947	-	318.807.059	42.270.228.683
Thanh lý	-	(507.091.851)	(2.723.279.296)	-	(3.230.371.147)
Số dư cuối kỳ	416.703.013.805	262.644.115.686	148.551.878.259	19.435.361.838	847.334.369.588
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	155.386.441.202	109.743.528.564	87.939.656.208	13.081.017.405	366.150.643.379
Khấu hao trong kỳ	20.922.515.728	21.851.967.556	8.237.477.944	1.082.675.949	52.094.637.177
Thanh lý	-	(507.091.851)	(2.723.279.296)	-	(3.230.371.147)
Số dư cuối kỳ	176.308.956.930	131.088.404.269	93.453.854.856	14.163.693.354	415.014.909.409
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	234.549.673.926	128.549.506.096	60.713.337.711	5.409.245.554	429.221.763.287
Số dư cuối kỳ	240.394.056.875	131.555.711.417	55.098.023.403	5.271.668.484	432.319.460.179

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 164.587 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2016: 135.508 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	175.210.359.620	121.878.611.215
Tăng trong kỳ/năm	40.794.964.893	179.825.383.617
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.562.451.450)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.270.228.683)	(126.493.635.212)
Số dư cuối kỳ/năm	124.172.644.380	175.210.359.620

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	4.275.786.345	35.877.155.092
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	77.364.138.453	63.686.924.701
Quyền sở hữu đất tại Khu công nghiệp Đình Vũ	-	49.562.451.450
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	4.275.786.345	4.631.695.064
Xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	4.113.676.545	832.736.634
Dự án cải tạo nội thất văn phòng Tổng công ty	3.945.406.365	692.103.030
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	3.597.120.000	-
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Dây chuyền sản xuất nhựa đường nhũ tương	5.428.923.263	-
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	1.739.400.000	1.739.400.000
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thọ Quang	527.680.000	527.680.000
Các công trình khác	8.406.167.348	7.161.653.933
Tổng cộng	124.172.644.380	175.210.359.620

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	66.998.940.608	18.048.114.909	6.912.481.458	3.744.238.677	8.928.283.918	104.632.059.570
Tăng trong kỳ	-	49.562.451.450	1.706.310.385	3.175.376.527	1.267.388.114	55.711.526.476
Phân bổ trong kỳ	(840.823.478)	(564.003.591)	(4.424.983.904)	(4.699.510.031)	(1.943.200.173)	(12.472.521.177)
Số dư cuối kỳ	66.158.117.130	67.046.562.768	4.193.807.939	2.220.105.173	8.252.471.859	147.871.064.869

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	175.111.989.330	49.290.263.595
▪ Các công ty xăng dầu khác thuộc Petrolimex	7.017.093.737	4.281.712.223
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	6.457.749.774	2.907.979.607
	<hr/>	<hr/>
	188.586.832.841	56.479.955.425
Các bên thứ ba		
▪ Fortrec Chemicals & Petroleum	40.791.115.365	-
▪ Elf Lubrifiant Paris	13.424.372.516	4.240.540.290
▪ Exxon Mobil Asia Ltd.	11.212.064.656	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	2.599.566.719	46.777.326.195
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	1.083.932.580	19.307.251.317
▪ Handsome Chemical Development Ltd.	-	29.709.494.349
▪ Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu		
Vật tư giao thông	-	10.364.968.500
▪ Các nhà cung cấp khác	77.960.706.427	162.914.488.295
	<hr/>	<hr/>
	335.658.591.104	329.794.024.371

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2016	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	219.837.904	2.190.768.801	175.790.828.300	(177.503.299.856)	9.657.900	268.117.241
Thuế nhập khẩu	-	-	15.120.270.787	(15.155.060.157)	34.789.370	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.212.524	28.819.067.784	30.961.866.799	(44.325.991.085)	3.872.147.494	18.918.878.468
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.617.932.240	15.524.167.860	(16.819.345.980)	-	1.322.754.120
Thuế thu nhập cá nhân	40.972.809	2.525.817.325	7.452.310.827	(9.079.686.619)	-	857.468.724
Thuế khác	164.845.000	-	874.316.781	(874.316.781)	164.845.000	-
	833.868.237	36.153.586.150	245.723.761.354	(263.757.700.478)	4.081.439.764	21.367.218.553

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn lon hộp	12.996.737.015	6.586.784.613
Chi phí hỗ trợ các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	7.852.150.000	-
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	7.187.837.156	1.927.632.698
Chi phí khuyến mại dầu mỡ nhờn phuy thùng	4.786.134.198	717.805.840
Trích trước chi phí bảo hộ lao động cho nhân viên	3.596.330.000	-
Chi phí sửa chữa Kho hóa chất Nhà Bè	4.870.246.243	2.302.068.460
Các khoản trích trước khác	3.821.111.804	709.273.185
	45.110.546.416	12.243.564.796

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả cổ tức	1.293.941.955	3.383.504.650
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.027.077.905	2.918.489.829
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	5.572.185.219	5.956.205.607
	12.893.205.079	12.258.200.086

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.510.796.298.264	2.510.796.298.264	1.667.074.576.196	(2.788.426.060.083)	1.389.444.814.377	1.389.444.814.377

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,3% - 5%	556.796.328.819	803.396.657.809
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,30%	39.251.036.398	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,50%	-	116.834.346.127
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,10%	92.827.510.319	164.354.484.175
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,20%	172.803.719.229	203.679.806.544
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,20%	76.782.237.367	53.775.928.540
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	USD	1,4% - 1,6%	-	57.794.049.020
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,8%	-	5.969.036.520
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	4,2% - 5%	278.992.268.503	448.247.263.909
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,58% - 1,7%	63.276.431.576	115.942.097.937
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	4,70%	75.860.733.247	101.744.277.394
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,50%	14.355.410.609	439.058.350.289
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,63%	18.499.138.310	-
			1.389.444.814.377	2.510.796.298.264

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 5 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(b) Vay dài hạn

	01/01/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	27.750.000.000	27.750.000.000	11.958.356.945	-	39.708.356.945	39.708.356.945

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex

Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
VND	8,5%	39.708.356.945	27.750.000.000

(*) Vay dài hạn là khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (công ty con), có thời hạn 10 năm (án hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 49.562 triệu VND (01/01/2016: 49.562 triệu VND) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	(2.729.592.945)	(8.740.492.087)
Trích lập trong kỳ/năm	17.006.731.962	15.529.288.829
Sử dụng trong kỳ/năm	(7.921.185.210)	(9.518.389.687)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>6.355.953.807</u>	<u>(2.729.592.945)</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2015	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	297.782.197.864	20.463.604.691	76.662.849.623	1.101.531.542.178
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	186.741.666.850	186.741.666.850
Số dư ngày 30/6/2015	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	297.782.197.864	20.463.604.691	263.404.516.473	1.288.273.209.028
Số dư ngày 01/01/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	232.943.693.904	20.463.604.691	85.731.505.915	1.151.141.714.510
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	109.030.552.379	109.030.552.379
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17.006.731.962)	(17.006.731.962)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(7.863)	(7.863)
Số dư ngày 30/6/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	302.154.283.435	20.463.604.691	108.544.728.938	1.243.165.527.064

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2016 và 01/01/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.246.886	27.768.140.753	3.466.703	77.827.482.350
Euro ("EUR")	188	4.631.664	489	12.082.359
		27.772.772.417		77.839.564.709

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Đã được duyệt	352.005.882.965	469.221.598.091

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Bán dầu mỡ nhờn	876.246.572.983	1.021.195.263.385
Bán nhựa đường	675.771.046.672	2.058.791.405.703
Bán hóa chất, dung môi	745.378.370.556	518.125.188.774
Bán hàng hóa khác	10.473.762.841	1.486.681.174
	2.307.869.753.052	3.599.598.539.036

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	610.247.327.086	766.596.549.844
Giá vốn nhựa đường	582.395.470.178	1.691.041.647.166
Giá vốn hóa chất, dung môi	693.711.096.393	484.410.854.426
Giá vốn hàng hóa khác	3.898.138.554	627.066.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.780.734.358)	-
	1.878.471.297.853	2.942.676.118.383

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	13.281.403.830	6.949.230.607
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.472.911.714	2.711.623.777
Lãi hàng bán trả chậm	1.344.669.152	1.421.599.631
	22.098.984.696	11.082.454.015

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	31.499.209.553	17.095.590.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.663.950.056	53.216.455.623
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 16)	44.252.000	-
Chi phí tài chính khác	1.341.121.756	7.605.000
	36.548.533.365	70.319.650.710

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	30.085.424.761	37.407.395.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.577.818.429	18.450.369.309
Chi phí vận chuyển	48.185.784.120	88.238.727.286
Chi phí hỗ trợ bán hàng	12.557.018.334	30.824.394.129
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	46.074.730.824	33.356.372.283
Chi phí sửa chữa	12.911.693.234	23.132.758.108
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	10.170.658.502	9.372.013.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.249.070.889	21.717.279.562
Chi phí bán hàng khác	19.011.004.941	23.575.452.960
	224.823.204.034	286.074.762.956

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	28.166.934.386	30.562.881.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.718.025.890	1.529.074.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.358.239.438	39.326.820.553
	64.243.199.714	71.418.775.923

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	552.465.872.677	771.172.478.245
Chi phí nhân viên	62.638.002.398	84.291.883.579
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.727.799.625	34.822.123.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.685.695.136	123.166.428.558
Chi phí khác	143.045.729.871	147.709.492.764

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	139.992.419.178	242.500.922.122
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	27.998.483.836	53.350.202.867
Chi phí không được khấu trừ thuế	475.493.229	1.363.959.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.487.889.734	1.045.093.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.961.866.799	55.759.255.272

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 109.030.552.379 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông là 80.797.566 cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2016. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngày 24 tháng 8 năm 2015, Tổng công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.538.002 cổ phiếu thông qua việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển. Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	70.259.564	2.658
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thông qua việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển	10.538.002	(347)
Số điều chỉnh lại	80.797.566	2.311

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Các công ty liên quan		
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i>		
▪ Mua hàng hóa	301.128.717.331	1.243.222.747.164
<i>Các công ty xăng dầu khác thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	645.378.708.310	633.127.850.913
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	60.262.748.759	117.071.314.506
<i>Công ty TNHH Castrol BP Petco</i>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	28.427.292.624	63.229.365.098
Thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty		
▪ Tiền lương và thưởng	2.019.554.500	2.437.857.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định về việc tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex từ 250 tỷ VND lên 330 tỷ VND và tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ 150 tỷ VND lên 180 tỷ VND.

39. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	01/01/2016 (phân loại lại) VND	01/01/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư vào công ty liên kết	61.047.511.083	70.557.956.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(9.510.444.917)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	
	(phân loại lại) VND	(theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí tài chính	70.319.650.710	68.626.225.402
Phản lãi trong công ty liên kết	1.662.753.878	-

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc